

Số: 533/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 1489/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Bích T, sinh năm: 1970.

Thường trú: Đường A, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà T (về phần tài sản): Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 000947 ngày 05/11/2021).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1967.

Thường trú: Đường A, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lương Bích T và ông Nguyễn Hoàng D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lương Bích T và ông Nguyễn Hoàng D không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Lương Thảo N, sinh ngày 31/01/2005 và Nguyễn Lương H, sinh ngày 23/10/2006. Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Lương Thảo N, ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Lương H; hai bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lương Bích T và ông Nguyễn Hoàng D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lương Bích T và ông Nguyễn Hoàng D trình bày không có nợ chung, Tòa án không xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) x 50% = 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), mỗi bên nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), bà T tự nguyện nộp thay cho ông D và được trừ vào số tiền 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024648 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lương Bích T và ông Nguyễn Hoàng D đã nộp đủ án phí.

Hoàn lại cho bà Lương Bích T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch còn lại 28.650.000đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024648 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;

THẨM PHÁN

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục thi hành án thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Tùng